

V/v công bố Báo cáo tài chính giữa niên
độ đã được soát xét năm 2023 và giải
trình chênh lệch lợi nhuận

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
2. Mã chứng khoán: SBH
3. Địa chỉ trụ sở chính: 02C Trần Hưng Đạo-Phường 1-TP Tuy Hòa-tỉnh Phú Yên.
4. Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Hữu Phúc - Tổng Giám đốc Công ty
6. Điện thoại: 0257.3606888
7. Nội dung thông tin công bố: Công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2023 và giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2023 tại đường dẫn <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc <http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

(*) Tài liệu đính kèm gồm:

- Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2023.
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- HĐQT (b/c);
- BKS (đề biết);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vũ Hữu Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 27

04
IN
P
JY
IG
ĐA
100
C
KI
DEL
VI
G

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

Số 02C, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa
Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tạng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên
Ông Vũ Hữu Phúc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Lý	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hữu Phúc	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023)
Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023) Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023; miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2023)
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CĐKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CĐKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Vũ Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Số: ~~0111~~ /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CKTKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CKKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 06 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 11 tháng 8 năm 2022 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Phan Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.345.562.031.883	1.412.510.148.322
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	136.642.787.556	4.347.235.928
1. Tiền	111		16.642.787.556	4.347.235.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	984.000.000.000	858.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		984.000.000.000	858.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.685.801.899	545.369.614.446
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	24	189.105.768.136	531.999.750.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.691.454.888	1.186.614.456
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	27.888.578.875	12.183.249.550
IV. Hàng tồn kho	140	7	5.500.320.244	4.120.838.065
1. Hàng tồn kho	141		5.500.320.244	4.120.838.065
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		733.122.184	172.459.883
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		570.145.211	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	162.976.973	172.459.883
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		913.154.354.217	1.007.974.422.515
I. Tài sản cố định	220		869.139.437.437	962.575.177.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	864.066.464.262	957.257.231.524
- Nguyên giá	222		4.250.867.344.668	4.243.385.838.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.386.800.880.406)	(3.286.128.607.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	5.072.973.175	5.317.946.125
- Nguyên giá	228		6.776.510.046	6.776.510.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.703.536.871)	(1.458.563.921)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.320.429.600	31.704.757.686
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	30.320.429.600	31.704.757.686
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.694.487.180	13.694.487.180
1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	7	13.694.487.180	13.694.487.180
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.258.716.386.100	2.420.484.570.837

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.392.001.468	163.003.690.359
I. Nợ ngắn hạn	310		68.892.001.468	149.503.690.359
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	12.871.940.311	38.229.943.219
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	14.509.122.189	50.487.351.754
3. Phải trả người lao động	314		1.771.028.662	14.554.808.325
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	1.000.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	21.095.720.888	38.091.377.931
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	18.644.189.418	7.140.209.130
II. Nợ dài hạn	330		13.500.000.000	13.500.000.000
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		13.500.000.000	13.500.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.176.324.384.632	2.257.480.880.478
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	2.176.324.384.632	2.257.480.880.478
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		334.703.127.436	334.664.064.163
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		551.371.257.196	632.566.816.315
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		490.172.110.542	51.468.213.273
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		61.199.146.654	581.098.603.042
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.258.716.386.100	2.420.484.570.837

Đặng Thị Lan
Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng



Vũ Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng	01	16	243.252.479.373	299.796.207.828
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		243.252.479.373	299.796.207.828
3. Giá vốn hàng bán	11	17	175.449.316.266	161.591.605.878
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		67.803.163.107	138.204.601.950
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	28.619.737.991	13.802.773.375
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	25.141.536.049	18.940.671.860
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		71.281.365.049	133.066.703.465
8. Chi phí khác	32		-	2.445.454
9. (Lỗ) khác (40=-32)	40		-	(2.445.454)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		71.281.365.049	133.064.258.011
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	10.082.218.395	8.754.897.971
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		61.199.146.654	124.309.360.040
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	493	972

Đặng Thị Lan
Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng



Vũ Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	71.281.365.049	133.064.258.011
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	100.892.826.212	99.111.985.844
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(28.619.737.991)	(13.802.773.375)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	143.554.453.270	218.373.470.480
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	262.296.305.214	165.393.346.044
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.379.482.179)	(659.838.990)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.115.805.595	(54.731.623.492)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	128.571.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.244.076.099)	(22.683.400.034)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.607.150.000)	(7.815.891.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	390.741.855.801	298.004.633.372
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.697.830.877)	(3.708.326.751)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(417.000.000.000)	(332.150.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	291.500.000.000	65.650.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.877.099.634	13.497.063.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(125.320.731.243)	(256.711.262.965)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(133.125.572.930)	(250.964.597)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(133.125.572.930)</i>	<i>(250.964.597)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	132.295.551.628	41.042.405.810
Tiền đầu kỳ	60	4.347.235.928	4.469.299.788
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	136.642.787.556	45.511.705.598

Đặng Thị Lan
Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng



Vũ Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4400415302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 07 tháng 6 năm 2018 với mã chứng khoán SBH.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần. Công ty mẹ tối cao của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 108 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 109).

Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư và quản lý các dự án nguồn điện; dịch vụ quản lý, vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp; dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp; và
- Kinh doanh du lịch và dịch vụ kèm theo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CDKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi dự phòng giảm giá (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 27
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	10 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn chưa được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối kỳ được theo dõi trên tài khoản "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty không có bất cứ khoản chênh lệch tạm thời giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán nên Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	946.972.269	83.677.968
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.695.815.287	4.263.557.960
Các khoản tương đương tiền (i)	120.000.000.000	-
	136.642.787.556	4.347.235.928

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc 3 tháng và lãi suất từ 4,6%/năm đến 6,3%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	984.000.000.000	984.000.000.000	858.500.000.000	858.500.000.000
	984.000.000.000	984.000.000.000	858.500.000.000	858.500.000.000

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,7%/năm đến 6,5%/năm).

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Lãi dự thu	26.329.426.028	10.586.787.671
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	874.528.686	1.392.655.700
Các khoản phải thu khác	684.624.161	203.806.179
	27.888.578.875	12.183.249.550

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 24) 200.000.000 -

7. HÀNG TỒN KHO VÀ THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	3.630.288.168	-	3.833.525.989	-
Công cụ, dụng cụ	1.870.032.076	-	287.312.076	-
	5.500.320.244	-	4.120.838.065	-
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn				
	13.694.487.180	-	13.694.487.180	-
	13.694.487.180	-	13.694.487.180	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	2.754.110.214.847	1.431.516.547.055	7.278.155.815	50.480.920.951	4.243.385.838.668
Tăng trong kỳ	-	-	945.572.727	6.535.933.273	7.481.506.000
Số dư cuối kỳ	2.754.110.214.847	1.431.516.547.055	8.223.728.542	57.016.854.224	4.250.867.344.668
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	1.920.767.496.808	1.347.068.653.569	2.215.887.592	16.076.569.175	3.286.128.607.144
Khấu hao trong kỳ	67.431.580.026	28.137.593.694	380.618.267	4.722.481.275	100.672.273.262
Số dư cuối kỳ	1.988.199.076.834	1.375.206.247.263	2.596.505.859	20.799.050.450	3.386.800.880.406
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	833.342.718.039	84.447.893.486	5.062.268.223	34.404.351.776	957.257.231.524
Số dư cuối kỳ	765.911.138.013	56.310.299.792	5.627.222.683	36.217.803.774	864.066.464.262

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 35.968.834.780 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 35.968.834.780 VND).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
Số dư cuối kỳ	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	562.500.000	896.063.921	1.458.563.921
Khấu hao trong kỳ	45.000.000	199.972.950	244.972.950
Số dư cuối kỳ	607.500.000	1.096.036.871	1.703.536.871
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	3.937.500.000	1.380.446.125	5.317.946.125
Số dư cuối kỳ	3.892.500.000	1.180.473.175	5.072.973.175

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 680.816.448 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 541.479.948 VND).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công trình xây dựng Trụ sở Công ty tại đường Hùng Vương, tỉnh Phú Yên	28.028.990.042	24.728.846.831
Khác	2.291.439.558	6.975.910.855
	30.320.429.600	31.704.757.686

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Trí Minh	3.950.492.800	3.950.492.800	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Đông Tây	3.313.770.880	3.313.770.880	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo Sao Việt	2.142.943.920	2.142.943.920	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Ngọc Bảo	826.615.649	826.615.649	4.479.017.241	4.479.017.241
Công ty TNHH Vật tư và Thiết bị Nam Hải	-	-	10.548.964.800	10.548.964.800
Công ty Cổ phần Công nghệ và giải pháp S5T Việt nam	-	-	3.008.657.520	3.008.657.520
Các nhà cung cấp khác	2.638.117.062	2.638.117.062	20.193.303.658	20.193.303.658
	12.871.940.311	12.871.940.311	38.229.943.219	38.229.943.219
Trong đó:	403.146.659	403.146.659	3.378.707.078	3.378.707.078
Phải trả người bán ngắn hạn bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)				

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	172.459.883	891.621.869	882.138.959	162.976.973
	172.459.883	891.621.869	882.138.959	162.976.973
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	6.711.474.617	26.294.245.847	33.005.720.464	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.581.359.065	10.082.218.395	21.244.076.099	6.419.501.361
Thuế tài nguyên	11.363.099.832	17.489.651.218	24.035.012.542	4.817.738.508
Phí dịch vụ môi trường và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	14.831.418.240	10.304.200.064	21.863.735.984	3.271.882.320
Các loại thuế khác	-	94.742.120	94.742.120	-
	50.487.351.754	64.265.057.644	100.243.287.209	14.509.122.189

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cổ tức phải trả	15.669.513.719	24.570.086.649
Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn	5.363.375.838	13.382.746.716
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	45.836.331	121.549.566
Phải trả ngắn hạn khác	16.995.000	16.995.000
	21.095.720.888	38.091.377.931
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	14.240.000.000	23.120.000.000

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	7.140.209.130	6.233.019.868
Tăng trong kỳ	18.136.642.500	14.886.462.000
- Trích quỹ	18.130.642.500	14.886.462.000
- Tặng khác	6.000.000	-
Giảm trong kỳ	(6.632.662.212)	(7.840.311.999)
- Sử dụng quỹ	(6.607.150.000)	(7.815.891.999)
- Giảm khác	(25.512.212)	(24.420.000)
Số dư cuối kỳ	18.644.189.418	13.279.169.869



15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022										
Số dư đầu năm trước	1.242.250.000.000	-	48.000.000.000	-	240.434.770.345	471.146.469.091	2.001.831.239.436	643.211.103.042	643.211.103.042	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(94.229.293.818)	(14.886.462.000)	(372.675.000.000)	(14.886.462.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	94.229.293.818	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.242.250.000.000	-	48.000.000.000	-	334.664.064.163	632.566.816.315	2.257.480.880.478	334.664.064.163	2.257.480.880.478	61.199.146.654
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023										
Số dư đầu kỳ này	1.242.250.000.000	-	48.000.000.000	-	334.664.064.163	632.566.816.315	2.257.480.880.478	61.199.146.654	61.199.146.654	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(39.063.273)	(18.130.642.500)	(124.225.000.000)	(18.130.642.500)	-
Trích quỹ khen đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	39.063.273	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1.242.250.000.000	-	48.000.000.000	-	334.703.127.436	551.371.257.196	2.176.324.384.632	334.703.127.436	2.176.324.384.632	61.199.146.654

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1360/NQ - SBH ngày 21 tháng 6 năm 2023, Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau: Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi số tiền 18.130.642.500 VND và trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 39.063.273 VND.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1360/NQ - SBH ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 1119/NQ-SBH ngày 30 tháng 5 năm 2023, Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương đương với số tiền là 124.225.000.000 VND. Ngày chốt quyền là ngày 15 tháng 6 năm 2023 và thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 05 tháng 7 năm 2023.

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.242.250.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.242.250.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	767.409.310.000	61,78%	767.409.310.000	61,78%
Công ty TNHH Năng lượng REE	320.000.000.000	25,76%	320.000.000.000	25,76%
Các cổ đông khác	154.840.690.000	12,46%	154.840.690.000	12,46%
	1.242.250.000.000	100%	1.242.250.000.000	100%

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	124.225.000	124.225.000
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	124.225.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.225.000	124.225.000
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	124.225.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. DOANH THU BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện	243.252.479.373	299.796.207.828
	243.252.479.373	299.796.207.828
Trong đó:	243.252.479.373	299.796.207.828
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)		

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán điện	175.449.316.266	161.591.605.878
	175.449.316.266	161.591.605.878

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.292.439.183	1.150.400.152
Chi phí nhân công	13.265.683.973	13.052.283.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.892.826.212	99.111.985.844
Chi phí thuế, phí và lệ phí	27.885.593.402	33.649.784.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.117.919.058	4.691.583.028
Chi phí sửa chữa lớn	31.006.985.741	8.862.397.365
Chi phí khác	22.129.404.746	20.013.843.542
	200.590.852.315	180.532.277.738

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	28.619.737.991	13.802.773.375
	28.619.737.991	13.802.773.375

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.520.015.152	6.634.785.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.460.301.752	1.102.167.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.427.946	145.468.178
Chi phí vật liệu	117.213.636	194.839.038
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.916.577.563	10.863.412.437
	25.141.536.049	18.940.671.860

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.082.218.395	8.754.897.971
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	10.082.218.395	8.754.897.971
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.082.218.395	8.754.897.971

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	71.281.365.049	133.064.258.011
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>921.080.910</i>	<i>625.381.284</i>
Thu nhập tính thuế	72.202.445.959	133.689.639.295
<i>Thu nhập tính thuế ở mức ưu đãi thuế suất doanh nghiệp</i>	<i>43.582.707.968</i>	<i>119.886.865.920</i>
<i>Thu nhập tính thuế suất thông thường</i>	<i>28.619.737.991</i>	<i>13.802.773.375</i>
<i>Thuế suất ưu đãi đối với lợi nhuận từ hoạt động bán điện</i>	<i>10%</i>	<i>5%</i>
<i>Thuế suất đối với lợi nhuận từ hoạt động khác</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.082.218.395	8.754.897.971

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% đối với lợi nhuận từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy thủy điện. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 20%.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.199.146.654	124.309.360.040
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.503.995.120)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	61.199.146.654	120.805.364.920
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	124.225.000	124.225.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	493	972

Theo Quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được xác định lại trên cơ sở trích lập số quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2022.

Số quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2022 được trích lập dựa trên số quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, tính theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2022 trên lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được điều chỉnh như sau:

	Kỳ trước	
	Số báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	124.309.360.040	124.309.360.040
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.503.995.120)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	124.309.360.040	120.805.364.920
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	124.225.000	124.225.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.001	972

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.500.000.000	6.400.000.000
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	13.586.000.000	16.482.019.553
	19.086.000.000	22.882.019.553

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong Tập đoàn
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Công ty trong Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Điện lực Phú Yên	Công ty trong Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	243.252.479.373	299.796.207.828
	243.252.479.373	299.796.207.828
Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.167.019.444	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.067.648.512	761.777.836
Công ty Điện lực Phú Yên	284.114.230	-
Trường cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	42.168.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	392.263.859
	2.560.950.186	1.154.041.695
Chia cổ tức		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	76.740.931.000	-
Công ty TNHH Năng lượng REE	32.000.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.960.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền trung	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.280.000.000	-
	122.980.931.000	-
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	189.105.768.136	531.999.750.440
	189.105.768.136	531.999.750.440
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	200.000.000	-
	200.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	380.955.659	2.207.454.421
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh	22.191.000	276.655.727
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	894.596.930
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	-	-
	403.146.659	3.378.707.078
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	254.000.000	-
	254.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.960.000.000	4.480.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền trung	4.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.280.000.000	640.000.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	-	16.000.000.000
	14.240.000.000	23.120.000.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		253.800.000	286.200.000
Ông Nguyễn Văn Tạng	Chủ tịch	194.400.000	194.400.000
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên	28.800.000	30.600.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	15.300.000	30.600.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập	15.300.000	30.600.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		369.745.455	518.400.000
Ông Vũ Hữu Phúc	Tổng Giám đốc	11.345.455	-
Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	27.200.000	187.200.000
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc	165.600.000	165.600.000
Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc	165.600.000	165.600.000
BAN KIỂM SOÁT		199.716.667	204.360.000
Ông Ngô Đức Thăng	Trưởng Ban	172.800.000	165.600.000
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên	9.690.000	19.380.000
Ông Tài Hoàng Nhật Quang	Thành viên (đã miễn nhiệm)	17.226.667	19.380.000

25. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 4.777.108.449 VND (2022: 4.709.338.139 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm 26.329.426.028 VND (2022: 10.586.787.671 VND), là số tiền lãi dự thu chưa thu được trong kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm 15.669.513.719 VND (2022: 24.570.086.649 VND), là số tiền cổ tức đã chia chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

26. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1360/NQ - SBH ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 1513/NQ-SBH ngày 05 tháng 7 năm 2023, Công ty thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 còn lại với tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tương đương với giá trị 186.337.500.000 VND. Ngày chốt quyền nhận cổ tức là ngày 06 tháng 9 năm 2023. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 27 tháng 9 năm 2023.

Đặng Thị Lan
Người lập biểu

Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng



Vũ Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý I năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

- Mã chứng khoán: SBH

- Địa chỉ: 02C Trần Hưng Đạo-Phường 1-TP Tuy Hòa-tỉnh Phú Yên.

- Điện thoại liên hệ: 0257.2470.999

- Email: thuthanhsbh@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2023 tại đường dẫn: <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc <http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Trân trọng./.

(*) Tài liệu đính kèm gồm:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc 30/06/2022.
- Văn bản giải trình tại công văn công bố thông tin số: 1962 /SBH-TCKT.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- HĐQT (kính b/cáo);
- BKS (đề biết);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vũ Hữu Phúc